

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

*“Về hủy kết hôn trái pháp luật,
tranh chấp về nuôi con khi hủy kết hôn
trái pháp luật”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐ-HPT ngày 06/7/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị H**, sinh năm 1981; ĐKKHKT: Đội 5, thôn K, phường A, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Thôn C, xã D, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975; ĐKKHKT và hiện cư trú tại: Đội 5, thôn K, phường A, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **UBND phường A, thành phố HD, tỉnh Hải Dương**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn E - Chủ tịch UBND phường A, thành phố HD.

Tại phiên tòa chị H, anh T, ông E đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Đào Thị H, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu khoảng 3 tháng thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố HD ngày 10/4/1998. Sau khi kết hôn chị và anh T sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị thường xuyên đi

lao động nước ngoài, mỗi năm chỉ về thăm gia đình một đến hai lần, do vậy tình cảm vợ chồng cũng ảnh hưởng. Hơn nữa trong thời gian này anh T ở nhà lại không chịu khó làm ăn. Từ đó dẫn đến tình cảm giữa chị và anh T ngày một rạn nứt. Đến năm 2019, chị về nước hẳn với mục đích để chị và anh T đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng về mọi mặt, cuộc sống không có hạnh phúc. Đầu năm 2020, chị về nhà bố mẹ đẻ ở D, thành phố HD ở, từ đó vợ chồng ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm giữa chị với anh T không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Theo giấy khai sinh, hộ khẩu gia đình, căn cước công dân chị có họ tên, ngày tháng năm sinh là Đào Thị H, sinh ngày 27/11/1981. Chị khẳng định ngày tháng năm sinh chính xác của chị là ngày 27/11/1981. Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/7/2022, chị H đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T vì tại thời điểm kết hôn thì chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt F, sinh ngày 10/6/1999 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 25/7/2004. Cháu F đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu P hiện đang ở cùng chị, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Chị và anh T không có nợ chung. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị H, anh T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị H, anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại UBND phường A, thành phố HD. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại đội 5, thôn A, phường A, thành phố HD. Chị H và anh T đã ly thân từ năm 2020 đến nay mỗi người ở một nơi. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Người thân gia đình anh T mong muốn chị H suy nghĩ lại, còn trường hợp chị H cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Người thân gia đình chị H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Về con chung đề nghị xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị H và theo quy định pháp luật.

Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản lấy lời khai cháu P thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Văn T.

UBND phường A, thành phố HD xác định có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Đào Thị H, sinh 1980 với anh Nguyễn Văn T, năm 1975 vào ngày 10/4/1998. Theo sổ đăng ký kết hôn thể hiện chị H, sinh năm 1980. Bản sao trích lục kết hôn ngày 02/02/2020 thể hiện chị H, sinh năm 1981 là do sơ suất khi soạn thảo nên ghi nhầm năm sinh của chị H. Việc chị H sinh ngày tháng năm nào mới chính xác đề nghị Tòa án xác minh làm rõ. Đối với yêu cầu của chị H về việc đề

ngợi Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1, 3 Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn T. Chị H và anh T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng; UBND phường A có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của chị H và anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 25/7/2004 cho chị Đào Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Chị H đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A, thành phố HD. Thông qua người thân anh T thể hiện, anh T đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh T vẫn vắng mặt. Chị H, ông E đại diện theo pháp luật cho UBND phường A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T, ông E là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Tại Giấy khai sinh do UBND xã D, thành phố HD, tỉnh Hải Dương cấp cho chị Đào Thị H thể hiện: Chị Đào Thị H, sinh ngày 27/11/1981. Bản sao căn cước công dân, sổ hộ khẩu đều thể hiện chị Đào Thị H sinh ngày 27/11/1981. Vì vậy có căn cứ xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Đào Thị H là ngày 27/11/1981. Ngày 10/4/1998, chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 10/4/1998, anh T đã bước sang tuổi 23, đủ tuổi kết hôn; chị H chưa đủ 17 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn. Để được đăng ký kết hôn, chị H đã tự khai tăng tuổi của mình là sinh năm 1980. UBND phường A đã đăng ký kết hôn cho chị H, anh T theo thông tin do chị H, anh T cung cấp. Vì vậy tại sổ kết hôn ghi Đào Thị H sinh năm 1980 là không đúng với ngày

tháng năm sinh thực tế của chị H và việc kết hôn của chị H, anh T là trái pháp luật do vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn. Nay chị H yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật; anh T không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật”*. Do đó yêu cầu của chị H là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị H, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt F, sinh ngày 10/6/1999 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 25/7/2004. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu F đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P hiện đang ở cùng chị H, chị H xin được nuôi cháu P, cháu P có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đưa ra quan điểm về vấn đề con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cháu P cần tiếp tục giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không đưa ra quan điểm về vấn đề này do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1, 3 Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn T.

Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng. UBND phường A, thành phố HD, tỉnh Hải Dương có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 25/7/2004 cho chị Đào Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng

tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000143 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan